Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 4809.20.00

Mã HS	4809.20.00
Mô tả hàng hóa	Giấy than, giấy tự nhân bản và các loại giấy sao chép hoặc giấy chuyển khác (kể cả giấy đã tráng hoặc thấm tẩm dùng cho giấy nến nhân bản hoặc các tấm in offset), đã hoặc chưa in, dạng cuộn hoặc tờ / - Giấy tự nhân bản
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	05/11/2026 03:56:31
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/48092000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K7535
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N7535
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q7535
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-CN)	0% (trừ CN)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	6,7	6,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	6,7	6,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục E)	6,7	6,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	6,7	6,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	6,9	6,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	7	7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục C)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E7251
ATIGA	2022	2022	0	AT!E7206
ATIGA	2023	2023	0	AT!F7206
ATIGA	2024	2024	0	AT!G7206
ATIGA	2025	2025	0	AT!H7206
ATIGA	2026	2026	0	AT!I7206
ATIGA	2027	2027	0	AT!J7206
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E7256
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7256
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7256

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7256
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7256
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7256
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E7257
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F7257
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G7257
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H7257
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7257
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7257
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F7258
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7212
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F7214
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G7214
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H7214
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I7214
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J7214
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K7214
VKFTA	2022	2022	0	VK!E7242
VKFTA	2023	2023	0	VK!F7242
VKFTA	2024	2024	0	VK!G7242
VKFTA	2025	2025	0	VK!H7242
VKFTA	2026	2026	0	VK!I7242
VKFTA	2027	2027	0	VK!J7242
VCFTA	2022	2022	2	VC!D7288
VCFTA	2023	2023	1	VC!E7288
VCFTA	2024	2024	0	VC!F7288

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G7288
VCFTA	2026	2026	0	VC!H7288
VCFTA	2027	2027	0	VC!I7288
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D7268
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E7268
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F7268
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G7268
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H7268
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I7268
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D7277
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E7277
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F7277
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G7277
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H7277
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I7277
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D7269
EVFTA	2023	2023	3,3	EV-NK!E7269
EVFTA	2024	2024	1,6	EV-NK!F7269
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G7269
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H7269
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I7269
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D7270
UKVFTA	2023	2023	3,3	UKV!E7270
UKVFTA	2024	2024	1,6	UKV!F7270
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G7270
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H7270

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I7270
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D7236
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E7236
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7236
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7236
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7236
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7236
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7236
RCEP A	2022	2022	9,3	RCEPT-A!D7271
RCEP A	2023	2023	8,7	RCEPT-A!E7271
RCEP A	2024	2024	8	RCEPT-A!F7271
RCEP A	2025	2025	7,3	RCEPT-A!G7271
RCEP A	2026	2026	6,7	RCEPT-A!H7271
RCEP A	2027	2027	6	RCEPT-A!I7271
RCEP B	2022	2022	9,3	B!D7271
RCEP B	2023	2023	8,7	B!E7271
RCEP B	2024	2024	8	B!F7271
RCEP B	2025	2025	7,3	B!G7271
RCEP B	2026	2026	6,7	B!H7271
RCEP B	2027	2027	6	B!I7271
RCEP C	2022	2022	*	C!D7271
RCEP C	2023	2023	*	C!E7271
RCEP C	2024	2024	*	C!F7271
RCEP C	2025	2025	*	C!G7271
RCEP C	2026	2026	*	C!H7271
RCEP C	2027	2027	*	C!I7271

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	9,4	D!D7271
RCEP D	2023	2023	8,8	D!E7271
RCEP D	2024	2024	8,1	D!F7271
RCEP D	2025	2025	7,5	D!G7271
RCEP D	2026	2026	6,9	D!H7271
RCEP D	2027	2027	6,3	D!I7271
RCEP E	2022	2022	9,3	E!D7274
RCEP E	2023	2023	8,7	E!E7274
RCEP E	2024	2024	8	E!F7274
RCEP E	2025	2025	7,3	E!G7274
RCEP E	2026	2026	6,7	E!H7274
RCEP E	2027	2027	6	E!I7274
RCEP F	2022	2022	9,3	F!D7271
RCEP F	2023	2023	8,7	F!E7271
RCEP F	2024	2024	8	F!F7271
RCEP F	2025	2025	7,3	F!G7271
RCEP F	2026	2026	6,7	F!H7271
RCEP F	2027	2027	6	F!I7271
VIFTA	2024	2024	9	VI!F6726
VIFTA	2025	2025	8	VI!G6726
VIFTA	2026	2026	7	VI!H6726
VIFTA	2027	2027	6	VI!I6726

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4809.20.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 4809.20.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N7535), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.